MIRAE ASSET Securities

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Chu kỳ nâng hạng thị trường và Chính sách của Fed

Lợi suất trái phiếu toàn cầu lập đỉnh mới



Fed, BoJ tăng lãi suất



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- Fed chính thức tăng lãi suất 25 điểm cơ bản lên 3,75%-4,00% ngày 16/9, lần thắt chặt đầu tiên trong năm 2026 , biểu quyết tuyệt đối 12-0, dot plot báo hiệu thêm 1 đợt tăng nữa trong 2026. Cùng tuần, BOJ tăng 25bps lên 1,25% ngày 18/9 (biểu quyết 7-2), cao nhất từ 1995, trong khi BOE giữ nguyên lãi suất ngày 17/9 nhưng cảnh báo có thể phải tăng nếu giá năng lượng tiếp tục đẩy lạm phát lên cao, cho thấy các NHTƯ lớn đang phân hóa lộ trình chính sách dù cùng đối mặt áp lực lạm phát năng lượng.

Việt Nam

- **Tiêu điểm tuần**: Việt Nam được FTSE Russell cam kết hỗ trợ toàn diện cho thị trường vốn. Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu ký Quyết định số 1796/QĐ-TTg ngày 17/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị.

- Chỉ số DXY tăng 1,1% WoW lên mức 100,2. Tỷ giá USD/VND tăng nhẹ 0,38% WoW, với tỷ giá bán VCB ngày 19/9 là 26.210. NHNN bơm 22,1 nghìn tỷ đồng qua OMO trong tuần trước tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%. Lãi suất qua đêm ngày 16/9 tăng lên mức 3,69% (+206bps WoW).

- **VN-Index: 1815,66 điểm (+1,1% WoW) – Hồi phục nhờ hiệu ứng nâng hạng**. **Thanh khoản cải thiện lên mốc trên 15 nghìn tỷ/ ngày (+24% WoW);** tuy nhiên, đây vẫn là mức tương đối thấp so với GTGD bình quân giai đoạn trước đó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn duy trì thận trọng trước các biến số vĩ mô.

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp (quanh ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 21%). Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Những yếu tố cần theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTƯ; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước; 3) Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên thị trường chứng khoán.

- **Ngưỡng hỗ trợ: 1700-1750. Ngưỡng kháng cự: 1850.**

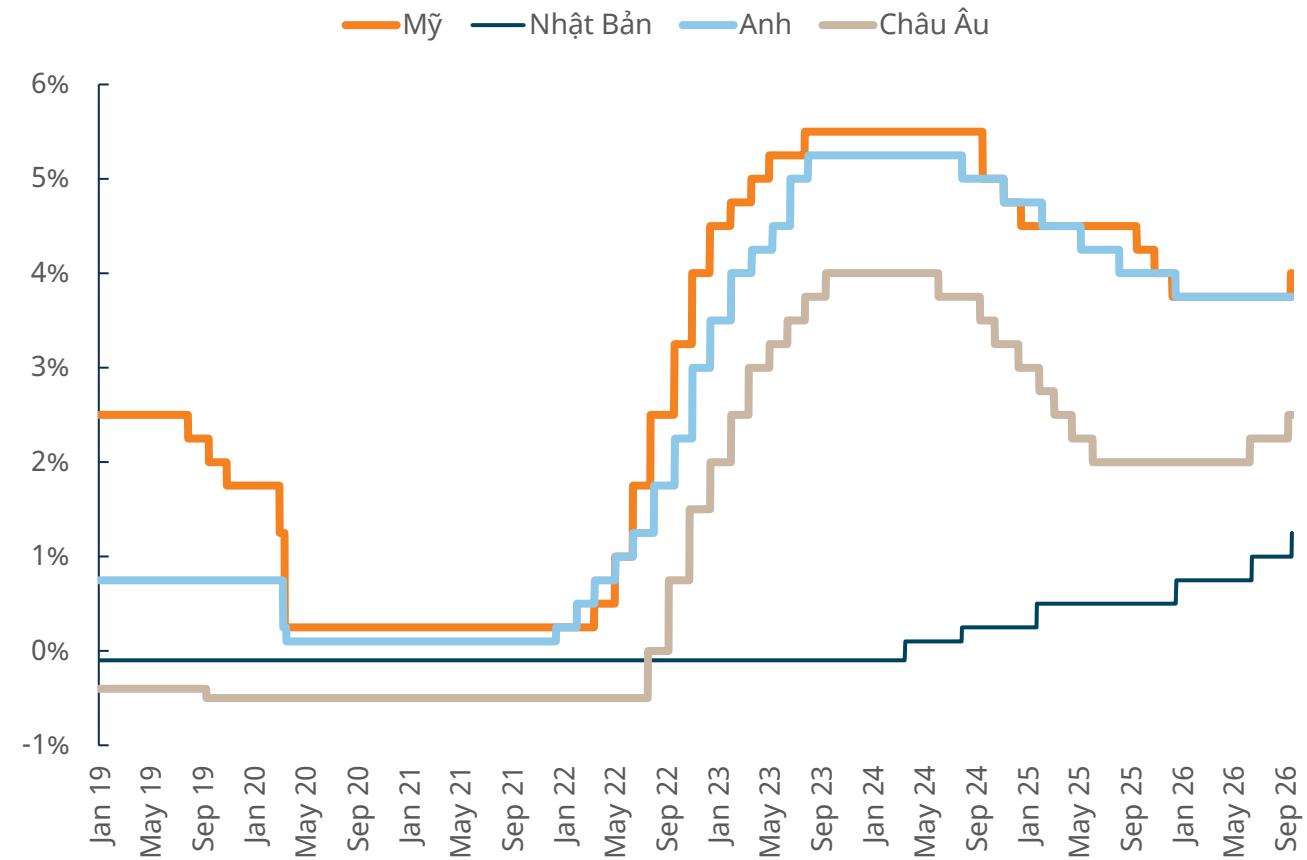
Bối cảnh toàn cầu: Fed chính thức đảo chiều, tăng lãi suất lần đầu trong năm 2026

- **Fed tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 3,75%-4,00% ngày 16/9 - lần thắt chặt đầu tiên trong năm 2026 sau khi giữ nguyên lãi suất kể từ đầu năm.** Đáng chú ý, quyết định này đi ngược mong muốn của Tổng thống Trump, người cho rằng kinh tế Mỹ đang tăng trưởng mạnh nên chưa cần lãi suất cao. Việc Fed vẫn tăng trong bối cảnh kinh tế còn vững có thể được nhìn nhận như một bước đi chủ động nhằm tạo thêm dư địa chính sách, qua đó giúp Fed có nhiều lựa chọn linh hoạt hơn trong việc hạ lãi suất nếu tăng trưởng chậm lại trong tương lai.

- **Thị trường phản ứng nhẹ nhàng do đã định giá trước**, lợi suất và chứng khoán Mỹ biến động không mạnh sau đợt công bố chính thức. Tuy nhiên, việc Fed quay lại chu kỳ thắt chặt sẽ tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn và tỷ giá tại các thị trường mới nổi.

- **NHTƯ Nhật Bản tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 1,25% ngày 18/9 - cao nhất từ 1995**. Đây được xem là bước thắt chặt tiếp theo trong lộ trình bình thường hóa chính sách, nhằm ngăn đà suy yếu của đồng Yên và dòng vốn chảy ra ngoài trước áp lực lạm phát năng lượng.

Lãi suất điều hành giữa các NHTƯ lớn



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **18/09/2026**

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu toàn cầu tạo đỉnh mới

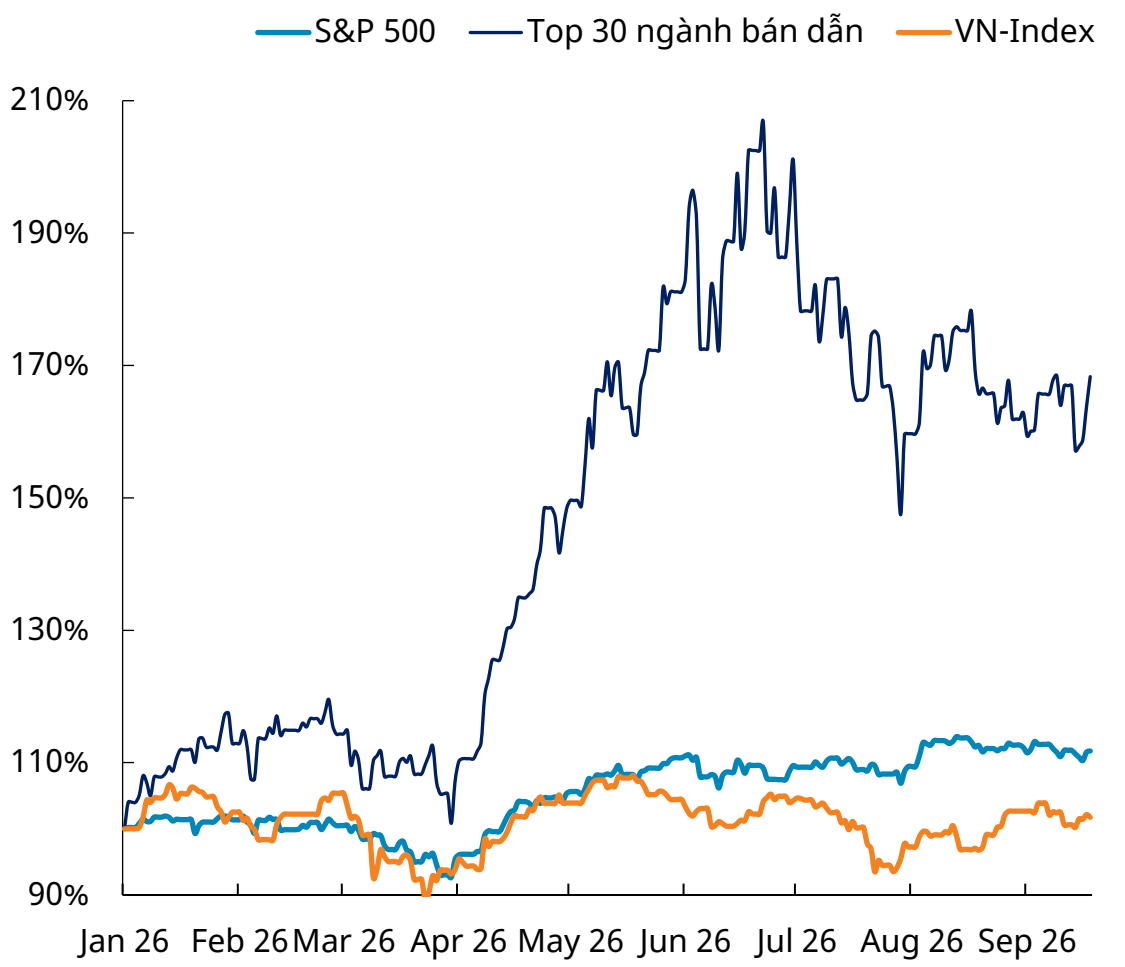
- **Chỉ số S&P 500 giảm nhẹ 0,08% WoW xuống 7650,5 điểm, trong khi chỉ số nhóm cổ phiếu ngành bán dẫn tăng 1% trong tuần trước.**

- **Lợi suất 10 năm vượt trở lại mốc 5% - cao nhất kể từ khủng hoảng tài chính 2008**. Sau khi Fed chính thức tăng lãi suất và phát tín hiệu thắt chặt kéo dài tại cuộc họp 16/9, lợi suất kỳ hạn 10 năm bật tăng vượt ngưỡng 5%, bất chấp nỗ lực của Bộ trưởng Tài chính Bessent trong việc liên tục mở rộng chương trình mua lại trái phiếu nhằm kiềm chế đà tăng.

- **Công cụ mua lại trái phiếu của Bộ Tài chính đứng trước phép thử mới**. Diễn biến trên cho thấy chương trình mua lại gần như mất tác dụng một khi chính Fed chuyển sang thắt chặt thay vì nới lỏng như kỳ vọng trước đó; đợt mua lại tiếp theo cho nhóm kỳ hạn 20-30 năm, dự kiến diễn ra ngày 24/9, sẽ là phép thử kế tiếp cho hiệu quả thực sự của công cụ này.

- **Sự kiện quan trọng sắp tới**: 1) Hội nghị thượng đỉnh giữa Tổng thống Trump và Chủ tịch Tập Cận Bình; 2) Chỉ số đơn đặt hàng hóa bền vững của Mỹ

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

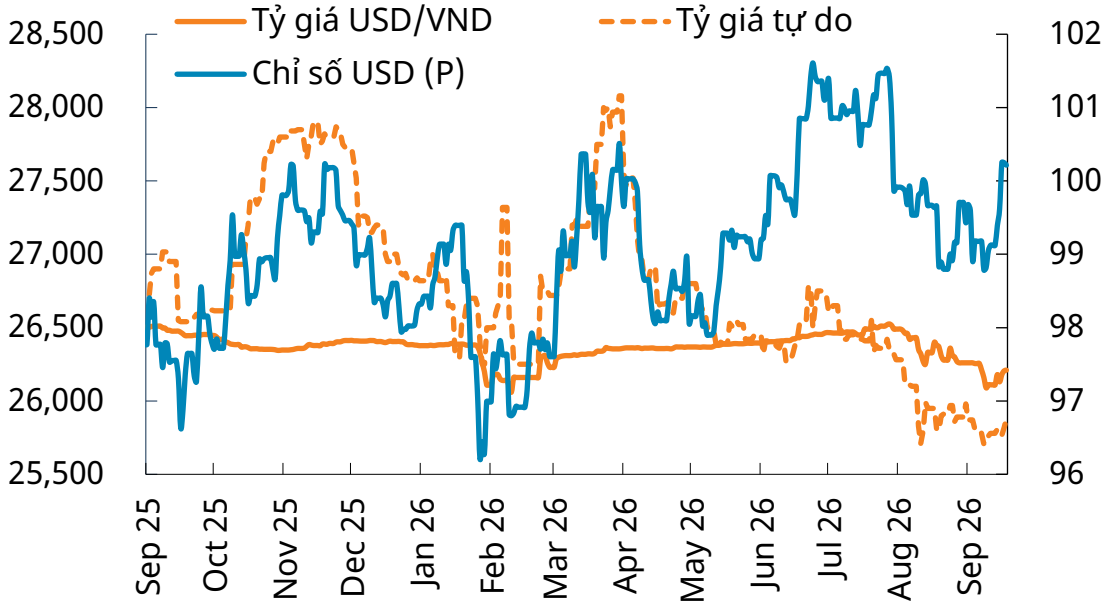


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **18/09/2026**

Tỷ giá tăng nhẹ trong tuần (+0,38% WoW)

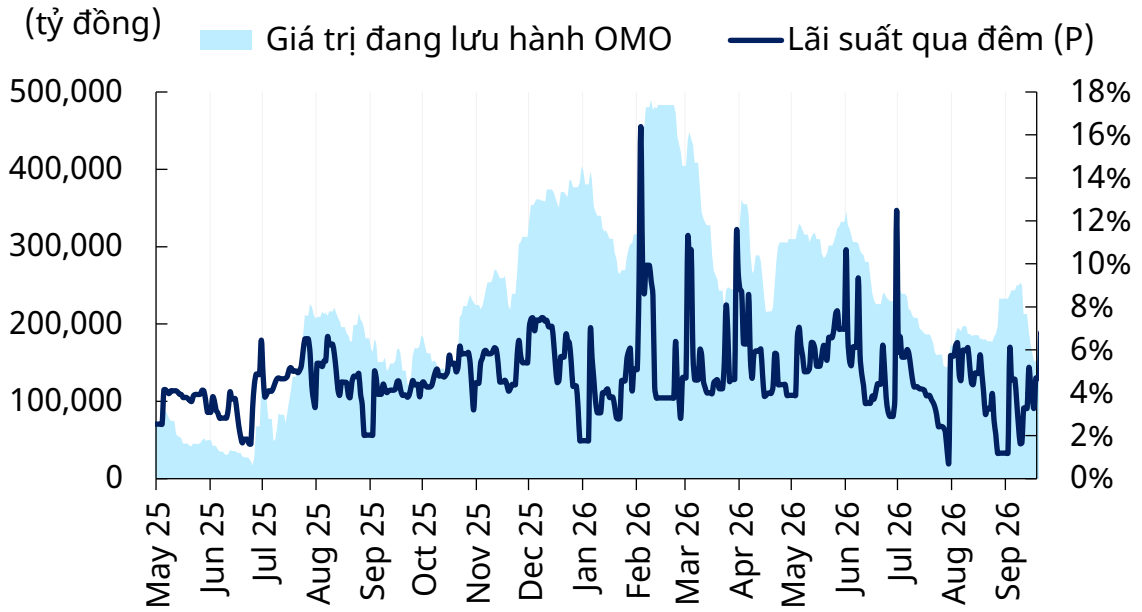
- **Chỉ số DXY tăng 1,1% WoW lên mức 100,2 (vào ngày 18/9),** phản ánh phản ứng của thị trường sau quyết định tăng lãi suất của Fed (16/9)
- **Tỷ giá USD/VND tăng nhẹ 0,38% WoW**, với tỷ giá bán VCB ngày 19/9 là 26.210 (+0,38% WoW; -0,6% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.880 (+0,39% WoW; -3,5% YTD).
- Trong tuần 14–18/9, NHNN bơm 22,1 nghìn tỷ đồng qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **giá trị đang lưu hành OMO giảm 60,5 nghìn tỷ đồng**. Lãi suất qua đêm ngày 16/9 tăng lên mức 3,69% (+206bps WoW).

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



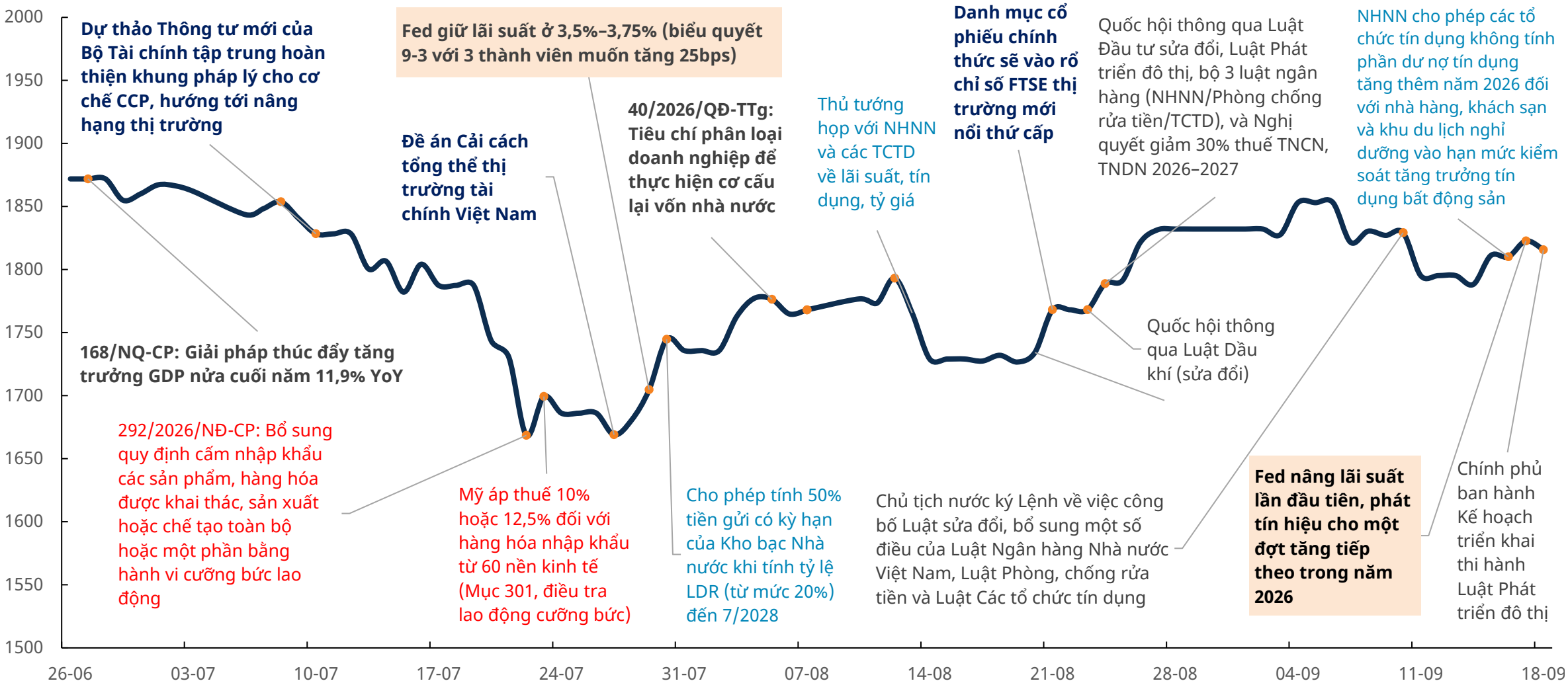
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **18/09/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 18/09/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 16/09/2026**

Fed nâng lãi suất lần đầu tiên, phát tín hiệu cho một đợt tăng tiếp theo trong năm 2026



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 18/09/2026**

Tài sản mã hóa chính thức bước vào khuôn khổ minh bạch thông tin

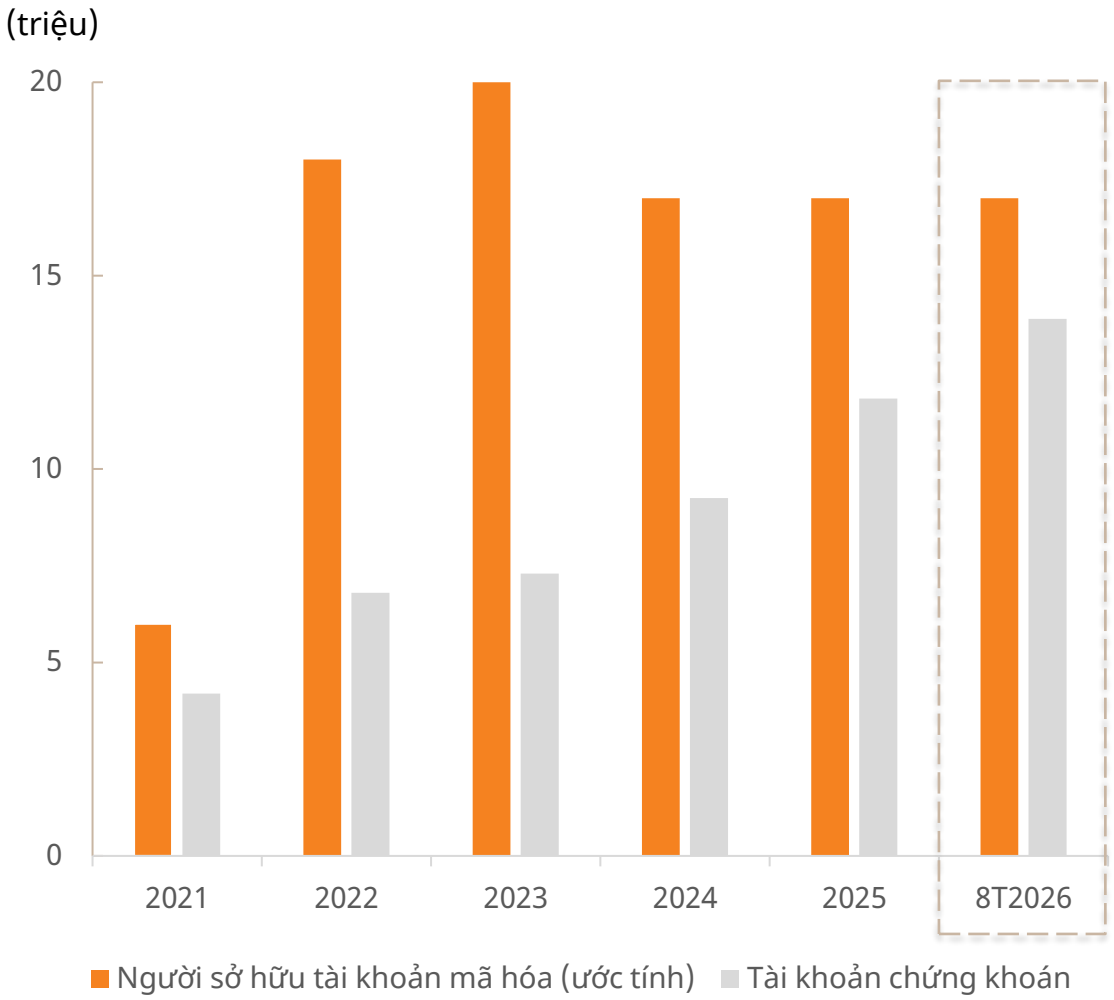
- **Bộ Tài chính và UBCKNN đang lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa**, triển khai thí điểm theo Nghị quyết 05/2025/NQ-CP, đánh dấu bước đi đầu tiên đưa thị trường vốn hoạt động ngoài khuôn khổ pháp lý vào diện giám sát chính thức, giảm rủi ro lừa đảo, gian lận. Phạm vi bao gồm tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức phát hành tài sản mã hóa, cùng nhà đầu tư. Đáng chú ý, cổ đông/cá nhân nắm giữ từ 1% vốn trở lên cũng thuộc diện phải báo cáo biến động.

- **Yêu cầu minh bạch theo phiên:** sàn giao dịch phải công khai giá, khối lượng, 3 mức chào mua-bán tốt nhất; báo cáo UBCKNN chậm nhất 15h ngày kế tiếp, báo cáo định kỳ hằng tháng cho UBCKNN, Bộ Công an và NHNN.

- **Ràng buộc thời hạn chặt với tổ chức phát hành:** bản cáo bạch công bố trước tối thiểu 15 ngày; sửa đổi công bố trong 3 ngày; sự cố hệ thống công bố trong 24 giờ.

- **Quy mô tham gia đã vượt xa thị trường chính thống**: số người sở hữu tài sản mã hóa liên tục cao hơn số tài khoản chứng khoán suốt 5 năm qua, cho thấy dòng vốn "ngoài khuôn khổ pháp lý" đã lớn hơn kênh đầu tư truyền thống được quản lý, càng khẳng định tính cấp thiết của Thông tư minh bạch hóa sắp ban hành.

Quy mô tham gia tài sản mã hóa và chứng khoán tại Việt Nam



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Chainanalysis. VSDC

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1815,66 (+1,1% WoW) – Hồi phục nhờ hiệu ứng nâng hạng

- **Phục hồi về mức 1815 điểm nhờ hiệu ứng nâng hạng**: Sau khi giảm 3% và đánh mất mốc tâm lý 1800 điểm trong tuần trước đó do áp lực cộng hưởng từ lạm phát Mỹ tái tăng tốc và căng thẳng địa chính trị, VN-Index đã hồi phục trở lại hỗ trợ bởi kỳ vọng thu hút dòng vốn ngoại sau khi Việt Nam chính thức được FTSE thêm vào rổ Global All Cap (21/9), với **thanh khoản cải thiện lên mốc trên 15 nghìn tỷ/ ngày (+24% WoW).** Tuy nhiên, đây vẫn là mức tương đối thấp so với GTGD bình quân giai đoạn trước đó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn duy trì thận trọng trước các biến số vĩ mô.
    - **Ngân hàng:** Nổi bật trong tuần với cổ phiếu SSB (+31,7% WoW) và NAB (+7,1% WoW).
    - **Dầu khí:** BSR (+9,6% WoW), PLX (+6,3% WoW) tiếp tục hưởng lợi từ giá dầu Brent leo thang do căng thẳng địa chính trị và hiệu ứng tích cực kéo dài từ Luật Dầu khí (sửa đổi).
    - **Tiện ích**: GAS (+6,2% WoW) nhờ hưởng lợi trực tiếp từ nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao và các nhà máy điện khí LNG mới (Nhơn Trạch 3, 4) đi vào vận hành.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,764**	**100%**	**1%**	**77%**	**24%**
Bất động sản	2,974	34%	-1%	69%	0%
Ngân hàng	2,623	30%	2%	69%	40%
Tiêu dùng thiết yếu	606	7%	1%	38%	29%
Dịch vụ tài chính	498	6%	1%	46%	25%
Nguyên vật liệu	436	5%	1%	46%	4%
Tiện ích	352	4%	4%	92%	51%
Tiêu dùng không thiết yếu	293	3%	2%	23%	5%
Vận tải	273	3%	2%	23%	14%
Xây dựng cơ bản	245	3%	2%	46%	41%
Dầu khí	234	3%	8%	92%	63%
CNTT	130	1%	-1%	85%	18%
Bảo hiểm	63	1%	6%	92%	185%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **18/09/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản

- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E quanh ngưỡng trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn và dưới ngưỡng trung bình dài hạn 21%. Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Đợt giải ngân đầu tiên của FTSE đã diễn ra**: Thủ tướng Lê Minh Hưng đã tiếp CEO FTSE Russell cùng đại diện BlackRock, Vanguard chiều 17/9; Vanguard xác nhận sẽ giải ngân, thêm cổ phiếu Việt Nam vào rổ danh mục ngay từ ngày 21/9.

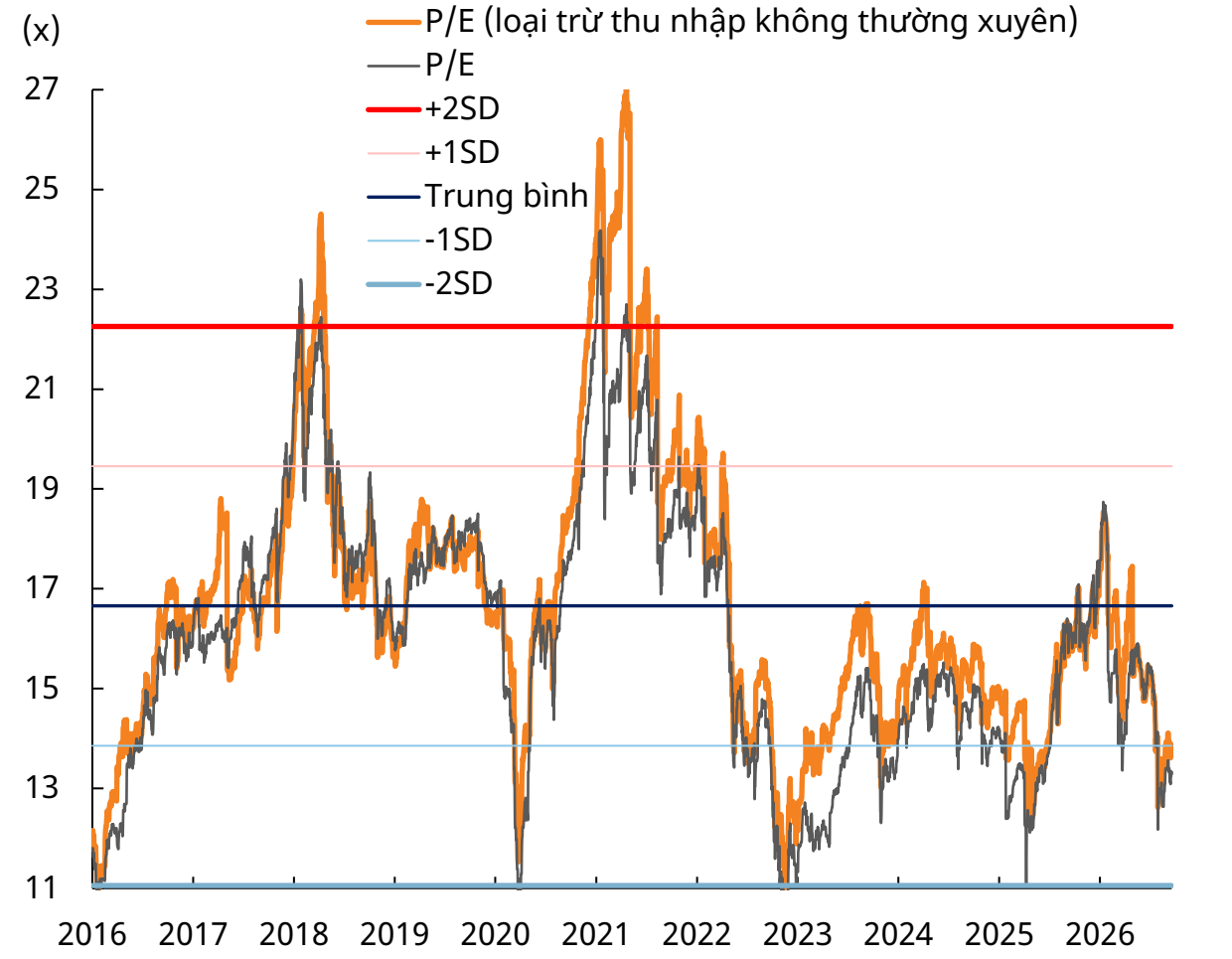
- **Những yếu tố cần theo dõi:**

    1) **Rủi ro bên ngoài về địa chính trị và lộ trình thắt chặt của các NHTƯ lớn (Fed, BOJ)**

    2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước**. Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phát triển đô thị (Quyết định 1796/QĐ-TTg, ký 17/9), có hiệu lực từ 1/10/2026, tạo khung pháp lý quan trọng cho TP.HCM và các khu kinh tế đặc biệt

    3) **Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên TTCK**

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **18/09/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,764,364**	**45.9**	**1,815.66**	**1,841.20**	**1,718.61**	**-0.4**	**1.1**	**4.8**	**-0.8**	**13.8**	**2.0**	**16.0**	**13.2**	**30.6**
VN30 Index		**6,740,960**	**44.4**	**1,964.17**	**1,999.47**	**1,858.39**	**-0.5**	**1.4**	**4.7**	**-0.2**	**11.6**	**2.0**	**18.1**	**16.0**	**22.6**
VN100 Index		**8,045,743**	**46.7**	**1,860.89**	**1,889.83**	**1,779.17**	**-0.3**	**1.2**	**3.9**	**-2.0**	**11.4**	**1.7**	**15.6**	**14.3**	**28.9**
Bất động sản	VIC	1,872,239	30	241,200	244,500	197,500	0.0	**-0.9**	20.6	17.4	86.2	10.7	12.6	3.1	44.9
	VHM	583,253	30	71,000	72,900	68,300	**-0.4**	**-1.4**	2.6	**-1.7**	7.4	2.2	33.1	6.7	43.3
	VPL	145,616	15	81,200	87,600	74,100	**-5.0**	**-1.6**	8.3	**-10.8**	48.7	3.4	7.5	6.5	42.5
	VRE	57,944	40	25,500	26,400	24,250	**-1.2**	**-0.4**	4.5	**-15.3**	8.0	1.2	15.5	11.2	37.8
	BCM	41,659	**4**	40,250	44,100	40,250	**-0.5**	3.6	**-5.5**	**-25.6**	22.0	1.9	8.9	0.3	33.7
	NVL	30,746	55	12,800	13,550	12,500	2.4	4.9	**-3.0**	**-3.8**	6.9	0.6	9.6	3.4	45.6
	KBC	24,486	65	26,000	27,200	25,800	0.0	**-1.9**	**-3.9**	**-14.6**	21.4	1.0	4.7	6.8	42.2
	VPI	22,144	50	62,900	63,300	54,909	**-0.3**	5.5	11.4	15.3	55.0	4.1	7.7	10.0	39.0
	KDH	17,731	65	15,800	18,100	15,750	1.3	**-3.1**	**-10.7**	**-31.3**	10.8	1.0	9.0	23.6	26.4
	SJS	16,867	80	56,700	56,800	46,750	**-0.2**	0.2	19.6	15.1	27.7	4.4	17.4	16.0	34.0
	DXG	13,442	80	10,600	11,450	10,600	**-1.9**	**-1.4**	**-4.1**	**-20.0**	66.9	0.9	1.4	0.6	49.4
	SIP	11,985	45	49,500	50,200	48,750	2.0	2.1	0.2	**-3.3**	8.8	2.5	26.9	6.9	43.1
	TCH	11,889	60	11,850	11,900	10,727	1.3	1.3	10.5	**-13.7**	39.8	1.0	2.9	9.9	39.1
	NLG	11,693	80	24,100	24,300	23,500	1.5	**-2.4**	2.6	**-10.9**	19.5	0.9	5.3	2.3	46.7
	PDR	11,475	60	11,500	12,350	11,400	**-0.4**	**-2.1**	**-4.6**	**-23.8**	18.5	0.9	4.8	36.9	13.1
	TAL	11,390	30	22,600	24,150	22,250	1.6	2.0	**-5.4**	**-16.8**	12.5	2.0	19.4	10.1	40.9
	DIG	8,611	95	10,200	10,425	10,000	1.0	1.5	2.0	**-16.8**	11.1	0.9	8.4	2.3	46.7
	HDG	6,552	60	16,100	16,500	16,000	0.3	0.9	0.3	**-23.7**	7.0	0.9	14.2	0.1	48.9
	KOS	6,505	40	30,050	35,200	29,300	**-4.1**	**-9.6**	**-14.1**	**-19.2**	237.1	2.8	1.2	15.7	34.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **18/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	500,505	11	59,900	61,000	57,700	0.5	2.9	3.3	-2.8	12.0	2.0	18.0	20.0	10.0
	BID	278,073	6	35,750	37,850	35,750	-2.6	0.4	-0.7	-10.7	8.4	1.4	16.5	17.5	12.5
	CTG	234,950	15	30,250	31,900	30,250	-3.7	1.0	-4.1	-10.9	5.8	1.2	22.2	24.6	5.4
	TCB	223,925	55	31,600	33,000	30,600	-3.2	0.0	2.4	1.3	8.3	1.2	16.1	21.0	1.6
	VPB	217,786	55	27,450	29,050	24,500	-2.7	1.9	10.2	4.0	7.3	1.2	18.3	22.8	7.2
	MBB	184,339	50	19,900	20,600	19,850	-3.2	0.8	-0.3	-4.8	6.4	1.3	22.1	22.3	1.0
	STB	147,424	95	78,200	78,200	73,700	2.6	1.2	4.0	10.3	24.1	2.3	5.0	1.5	3.5
	LPB	143,390	90	48,000	51,500	47,450	1.1	2.8	-4.0	2.0	12.7	3.3	27.0	10.6	19.5
	HDB	137,645	80	27,500	28,050	26,600	-0.4	2.6	2.0	9.3	6.9	1.6	25.8	21.9	5.1
	ACB	127,117	85	21,900	22,850	21,550	-3.9	-0.7	1.2	-2.2	8.1	1.3	16.8	23.8	6.2
	SSB	82,634	55	24,100	24,800	14,850	2.8	31.7	60.1	62.3	28.5	2.0	7.1	3.6	26.4
	SHB	63,056	75	11,800	11,800	11,400	1.7	2.2	1.7	-15.1	4.5	0.7	17.5	0.7	29.3
	VIB	50,692	55	13,600	13,750	13,014	0.0	2.6	3.4	-8.4	6.8	1.1	16.2	3.5	1.5
	MSB	48,298	70	12,900	13,333	12,900	0.0	-0.4	-1.7	-1.4	8.2	1.1	13.9	7.2	22.8
	TPB	39,114	55	14,100	14,500	14,100	0.4	-0.4	-1.7	-13.0	5.2	0.9	18.0	21.9	8.1
	OCB	32,156	30	10,500	11,000	10,350	1.4	2.9	-4.1	-3.8	7.2	0.9	12.9	19.2	2.8
	EIB	30,549	80	16,400	17,250	16,300	0.9	-2.4	-3.5	-21.9	62.1	1.2	1.9	1.1	28.9
	NAB	24,706	80	12,000	12,350	11,500	-1.6	7.1	3.4	-3.2	5.3	1.0	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	TCX	104,874	15	31,500	33,500	31,500	-0.9	-0.8	-5.0	-10.1	16.8	2.3	16.1	8.8	91.2
	VCK	72,317	25	29,700	29,700	28,800	3.3	2.4	1.5	-11.5	11.2	2.3	20.4	3.4	96.6
	SSI	63,971	70	21,400	21,650	19,300	1.2	5.4	9.7	-6.6	12.6	1.6	13.9	29.9	70.1
	VPX	44,813	20	23,900	24,950	23,900	-0.2	-0.4	-3.6	-13.2	8.0	1.3	18.6	4.0	96.0
	HCM	34,424	55	25,500	25,850	24,850	0.8	0.0	1.6	2.4	23.8	2.1	10.7	34.8	14.3
	VIX	33,832	100	13,150	13,450	12,429	2.3	-0.8	5.0	-22.0	6.4	1.0	15.7	7.0	93.0
	VCI	23,794	75	20,650	21,700	20,200	3.3	3.0	-2.4	-15.7	14.8	1.4	9.8	8.0	92.0
	VND	23,139	75	15,200	16,350	14,900	2.7	0.3	-5.0	-14.8	8.6	1.1	13.1	16.4	83.6
	DSE	9,636	35	22,500	22,650	22,000	0.4	3.2	1.6	1.8	35.1	1.8	5.0	10.5	89.5
	EVF	8,975	95	11,800	12,500	11,700	0.9	0.9	-5.6	-15.4	9.6	0.9	9.4	0.3	14.7
	FTS	8,004	40	21,000	21,900	20,800	1.9	2.2	-3.9	-22.7	19.0	1.8	9.7	24.6	75.4
	BSI	7,382	14	27,350	28,150	27,100	1.3	2.1	-1.3	-20.7	14.1	1.3	9.6	35.4	64.6
	CTS	5,976	25	21,950	22,650	21,800	0.0	2.1	0.0	-12.2	15.9	2.1	14.0	0.4	48.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **18/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	50,849	10	68,500	69,900	66,000	-1.3	7.0	1.5	2.2	15.3	1.9	13.3	27.4	21.6
Xây dựng cơ bản	GEE	40,928	14	63,900	69,900	63,900	-1.7	3.1	-5.8	-32.5	11.5	5.1	47.9	0.9	49.1
	GEX	31,927	70	24,400	25,450	23,800	3.8	1.9	-2.0	-20.3	23.3	1.6	8.0	6.3	43.7
	REE	29,307	35	47,050	47,300	45,350	3.9	4.7	3.7	-6.8	11.1	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	18,158	12	40,500	41,150	39,900	1.6	-1.2	0.5	-7.5	12.8	2.2	16.3	0.9	48.1
	BMP	11,747	45	143,500	146,500	143,500	-0.1	2.3	-1.8	-2.4	9.2	4.1	45.4	82.4	17.7
	VCG	10,054	55	14,400	16,050	14,400	0.0	-4.3	-8.9	-21.8	2.6	0.9	39.3	2.0	47.0
	CTR	9,352	35	73,000	78,900	73,000	-0.1	-1.4	-5.3	-3.8	14.3	4.2	30.9	3.7	36.3
	CII	8,669	95	12,900	15,050	12,900	0.4	-2.6	-10.1	-26.9	88.5	0.9	1.0	5.7	43.3
	PC1	8,246	60	20,050	20,450	19,850	0.0	-1.7	-1.7	-5.6	8.2	1.2	16.4	8.3	41.8
	CTD	6,598	55	59,000	62,300	58,800	0.3	1.7	-4.1	-19.2	7.8	0.7	9.2	46.6	3.4
	HHV	5,149	85	9,410	10,150	9,390	0.1	-1.4	-5.9	-14.1	8.1	0.5	5.8	10.3	38.7
Nguyên vật liệu	HPG	181,947	60	21,550	21,550	21,000	1.7	1.2	2.6	-8.9	7.8	1.3	17.4	21.6	27.4
	GVR	127,600	4	31,900	32,900	31,350	-0.9	6.3	-0.3	-10.3	18.0	2.1	12.1	0.6	-0.6
	DCM	17,497	25	33,050	33,600	30,550	0.8	1.7	7.7	-10.1	7.6	1.5	21.3	5.0	44.1
	DPM	15,536	40	22,850	23,100	21,500	-0.2	2.0	5.3	-3.6	9.1	1.4	13.8	3.4	46.6
	HSG	8,194	70	10,150	10,750	10,100	0.5	-0.5	-4.2	-15.4	12.5	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,695	35	31,550	34,333	31,500	-0.5	-3.8	-6.3	-12.8	8.2	1.6	22.1	10.2	-10.2
	NKG	4,869	75	9,890	10,950	9,890	-1.1	-3.0	-6.7	-20.6	29.2	0.6	2.1	4.7	45.3
	HT1	4,503	25	11,800	13,100	11,800	0.0	-2.5	-7.8	-13.6	11.6	0.9	7.7	2.3	46.7
Vận tải	VJC	99,213	35	129,000	129,000	122,100	1.7	3.4	4.5	-6.8	45.0	3.8	8.7	6.1	23.9
	GMD	32,968	95	77,300	79,800	76,700	0.9	3.6	-2.8	-0.4	13.7	2.4	18.6	39.0	10.0
	VTP	9,965	40	49,100	57,900	49,100	-0.9	-0.8	-12.3	-12.0	31.2	4.3	15.5	3.8	45.2
	VSC	4,998	95	13,350	15,000	13,250	1.1	2.7	-8.2	-32.9	14.6	0.9	6.7	2.1	46.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **18/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	106,988	75	72,500	73,900	72,100	-0.8	1.7	-0.4	-7.9	10.8	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	23,407	55	130,900	151,500	130,100	0.7	-4.5	-9.8	5.7	20.6	4.9	29.7	33.2	15.8
	PNJ	18,806	90	36,750	38,050	34,850	0.0	-1.5	4.9	-46.0	7.8	1.4	17.8	45.7	3.3
	DGW	10,163	55	45,500	47,000	40,800	0.2	2.5	9.6	11.0	12.0	2.7	24.5	26.6	22.4
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	186,959	20	143,000	145,900	134,000	-1.8	0.8	5.2	10.0	26.5	9.9	39.4	15.9	84.2
	VNM	127,905	40	61,200	62,600	60,300	1.7	2.2	-1.4	3.4	12.9	4.0	31.1	49.7	50.3
	MSN	99,890	60	68,400	69,500	66,100	1.0	2.9	2.4	-5.1	14.7	2.6	19.5	24.0	76.0
	SAB	56,818	11	44,300	46,300	44,300	0.0	1.0	-4.3	-8.1	12.3	2.9	22.6	58.9	41.1
	SBT	21,684	60	23,200	23,800	22,850	0.9	1.3	-2.1	8.9	29.7	1.8	6.5	21.1	78.9
	HAG	17,807	50	14,050	14,150	13,900	0.4	3.3	-0.7	-7.9	5.2	1.1	26.0	1.6	47.4
	KDC	14,121	45	51,100	51,700	50,500	-0.2	-0.4	-0.6	1.6	26.3	2.4	9.1	13.1	36.9
	BAF	11,693	70	32,050	32,150	31,500	0.0	0.0	0.9	9.1	117.5	2.7	3.2	4.0	46.0
	VHC	10,494	40	50,100	54,400	50,100	-1.2	-0.2	-6.2	-13.5	7.7	1.1	15.5	17.9	82.1
	DBC	6,918	70	16,050	16,300	16,000	0.0	0.3	0.0	-15.7	6.0	0.8	14.3	1.2	47.8
	PAN	4,663	45	18,600	20,200	18,600	-0.8	2.2	-5.3	-19.3	3.9	0.9	21.8	21.3	27.7
	ANV	4,260	30	16,000	17,150	15,850	0.0	2.2	-5.0	-26.6	4.9	1.1	24.3	2.6	46.4
Dầu khí	BSR	151,220	8	30,200	31,200	26,200	-1.6	9.6	11.0	14.4	7.6	2.0	30.4	1.5	47.5
	PLX	47,520	10	37,400	38,050	36,200	-1.1	6.3	-1.4	-4.1	15.5	1.8	9.1	14.3	5.7
	PVD	17,813	50	19,200	19,400	18,200	-0.3	3.5	3.8	3.2	18.3	1.0	5.4	8.2	41.8
	PVT	11,786	50	22,800	22,800	20,300	0.9	3.2	11.8	14.3	8.3	1.2	14.9	15.6	33.4
Tiện ích	GAS	212,340	5	88,000	88,700	79,300	-0.7	6.2	5.4	7.6	16.7	3.1	18.4	2.1	46.9
	POW	38,655	20	12,600	13,600	12,600	0.0	0.0	-5.6	-11.3	6.4	0.9	16.1	3.8	46.2
	BWE	10,582	25	42,100	44,300	41,800	0.5	1.1	-2.1	-2.7	10.3	1.6	16.0	2.2	46.8
	NT2	5,988	30	20,800	21,800	20,500	1.2	1.5	-2.3	-9.4	4.9	1.2	26.5	9.4	39.6
CNTT	FPT	122,917	85	71,700	74,800	68,200	-3.5	-1.4	3.9	0.1	12.2	3.1	27.3	28.4	20.6
	CMG	5,380	40	23,100	24,050	23,000	0.4	-1.1	-4.0	-16.5	13.0	1.7	13.4	36.3	13.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **18/09/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.